

**BỘ Y TẾ
VĂN PHÒNG BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /VPB5
V/v mời báo giá xe ô tô

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

Căn cứ Quyết định số 3009/QĐ-BYT ngày 23/9/2025 về việc giao nhiệm vụ mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với hàng hoá được quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 69/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính cho Văn phòng Bộ Y tế.

Hiện nay Văn phòng Bộ Y tế có nhu cầu mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức hành chính và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế năm 2025. Đề nghị đơn vị có nhu cầu và khả năng cung cấp gửi báo giá với yêu cầu như sau:

1. Nội dung yêu cầu chung:

- Chính sách bảo hành và thời gian bảo hành: Chính sách bảo hành chính hãng và thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất.

- Báo giá phải cung cấp bảng thông số kỹ thuật kèm theo loại xe báo giá. Giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ, lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông, phí bảo hiểm, lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật về môi trường đối với xe cơ giới, phí bảo trì đường bộ liên quan...

- Hiệu lực của báo giá tối thiểu là 60 ngày;

- Hình thức gửi báo giá: Trực tiếp gửi tới địa chỉ Phòng Tổ chức – Hành chính, Văn phòng Bộ Y tế, 138A Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Hà Nội. Điện thoại liên hệ: 0985103450. Hoặc gửi trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế.

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 08h00 ngày 10/11/2025.

2. Yêu cầu chi tiết: Theo phụ lục đính kèm.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c Phó Chánh VPB (để biết);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, VPB5.

CHÁNH VĂN PHÒNG BỘ

Đoàn Hữu Thiển

PHỤ LỤC:
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
(Kèm theo Công văn số /VPB5 ngày /11/2025 của Văn phòng Bộ Y tế)

1. XE Ô TÔ 7 CHỖ - 2 CẦU (LOẠI 1)
- SỐ LƯỢNG XE: 02

TT	Danh mục thông số	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THÔNG TIN CHUNG	
1	Chủng loại xe	Xe ô tô 07 chỗ - 2 cầu
2	Năm sản xuất	Từ 2025 trở lại đây
II	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG	
1	Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm)	4795 x 1855 x 1835 (± 30)
2	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 2745
3	Chiều rộng cơ sở trước (mm)	≥ 1545
4	Chiều rộng cơ sở sau (mm)	≥ 1555
5	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 279
6	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	≤ 5,8
7	Trọng lượng không tải (kg)	≥ 2050
8	Trọng lượng toàn tải (kg)	≥ 2620
9	Số người cho phép chở (kể cả người lái)	07
III	ĐỘNG CƠ	
1	Loại động cơ	Động cơ xăng, 4 xy lanh thẳng hàng
2	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5
3	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng điện tử
4	Dung tích công tác (cc)	≥ 2694
5	Công suất tối đa (kW)	≥ 122
6	Mô men xoắn tối đa (N.m)	≥ 245
7	Dung tích bình nhiên liệu (Lít)	≥ 80
IV	HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI, PHANH	
1	Hệ thống truyền động	Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử
2	Hộp số	Tự động, 6 cấp
3	Hệ thống treo trước/sau	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng/ Phụ thuộc, liên kết 4 điểm
4	Vành và Lốp xe	265/60R18

TT	Danh mục thông số	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Loại vành	Mâm đúc
-	Kích thước lốp	265/60R18
-	Lốp dự phòng	Mâm đúc
5	Phanh trước/sau	Đĩa/Đĩa
6	Hệ thống lái có trợ lực	Thủy lực biến thiên theo tốc độ
V	NGOẠI THẤT	
1	Cụm đèn trước	
-	Đèn chiếu gần	LED
-	Đèn chiếu xa	LED
-	Đèn chiếu sáng ban ngày	Có
-	Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
-	Hệ thống cân bằng góc chiếu	Tự động
-	Chế độ đèn chờ dẫn đường	Có
2	Cụm đèn sau	LED
3	Đèn sương mù trước	LED
4	Đèn sương mù sau	Có
5	Đèn báo phanh trên cao (Đèn phanh thứ ba)	LED
6	Gương chiếu hậu ngoài	
-	Chức năng điều chỉnh điện	Có
-	Chức năng gập điện	Có
-	Tích hợp đèn báo rẽ	Có
7	Gạt mưa trước/sau	Có
8	Chức năng sấy kính sau	Có
9	Màu xe	Đen
VI	NỘI THẤT	
1	Tay lái 3 chấu, bọc da, ốp gỗ, mạ bạc	Có
-	Nút bấm điều khiển tích hợp	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay
-	Điều chỉnh	Chỉnh tay 4 hướng
-	Lẫy chuyển số	Có
2	Gương chiếu hậu trong	Có chống chói tự động
3	Ghế	
-	Chất liệu bọc ghế	Da
-	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 8 hướng
-	Điều chỉnh ghế hành khách phía trước	Chỉnh điện 8 hướng

TT	Danh mục thông số	Tiêu chuẩn kỹ thuật
4	Hệ thống điều hòa	Tự động, 2 vùng
5	Hệ thống âm thanh	
-	Màn hình	Màn hình cảm ứng ≥ 9 inch
-	Số loa	≥ 11
6	Chìa khóa thông minh	Có
7	Khóa cửa điện	Có
8	Chức năng khóa cửa từ xa	Có
9	Cửa sổ điều chỉnh điện 1 chạm, chống kẹt tất cả các cửa	Có
10	Cốp điều khiển điện	Có
11	Hệ thống điều khiển hành trình	Có
VII	TRANG BỊ AN TOÀN	
1	Hệ thống chống bó cứng phanh	Có
2	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp	Có
3	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử	Có
4	Hệ thống cân bằng điện tử	Có
5	Hệ thống kiểm soát lực kéo	Có
6	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
7	Hệ thống hỗ trợ đổ đèo	Có
8	Camera 360	Có
9	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe tại các góc trước và	Có
10	Đèn báo phanh khẩn cấp	Có
11	Túi khí	Có
-	Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có
-	Túi khí bên hông phía trước	Có
-	Túi khí rèm	Có
-	Túi khí đầu gối người lái	Có
12	Cảnh báo điểm mù + Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau	Có

2. XE Ô TÔ 7 CHỖ - 2 CẦU (LOẠI 2)

- SỐ LƯỢNG XE: 01

DANH MỤC	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
I. THÔNG TIN CHUNG	
Chủng loại xe	7 chỗ - 2 cầu
Năm sản xuất	Từ 2025 trở lại đây
Màu xe	Đen
II. ĐỘNG CƠ	
Động cơ	Bi-Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi Trục cam kép, có làm mát khí nạp / DOHC,
Dung tích xi lanh (cc)	≥ 1996
Công suất cực đại (PS/vòng/phút) / (Ps/rpm)	≥ 209.8 (154.3 kW) / 3750
Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút) (Nm/rpm)	≥ 500 / 1750-2000
Hệ thống truyền động	Hai cầu chủ động / 4x4
Hệ thống kiểm soát đường địa hình	Có / With
Hộp số	Số tự động 10 cấp điện tử
Trợ lực lái	Trợ lực lái điện
Mức tiêu thụ nhiên liệu	
Chu trình tổ hợp (L/100KM)	≤ 8
Chu trình đô thị cơ bản (L/100KM)	$\leq 9,6$
Chu trình đô thị phụ (L/100KM)	$\leq 7,1$
II. KÍCH THƯỚC	
Dài x Rộng x Cao (mm)	4914 x 1923 x 1841(± 30)
Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 200
Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 2900
Dung tích thùng nhiên liệu (L)	≥ 80
III. HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI, PHANH	
Hệ thống treo	
Hệ thống treo trước	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, và thanh cân bằng
Hệ thống treo sau	Hệ thống treo sau sử dụng lò xo trụ, ống giảm chấn lớn và thanh ổn định liên kết kiểu
Hệ thống phanh	
Phanh trước và sau	Phanh Đĩa
Phanh tay điện tử	Có
Cỡ lốp	255 / 55R20
Bánh xe	Vành hợp kim nhôm 20"
IV. TRANG BỊ AN TOÀN	
Túi khí phía trước	Có

Túi khí bên	Có
Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có
Túi khí bảo vệ đầu gối người lái	Có
Camera	Camera 360
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Cảm biến trước và sau
Hệ thống Chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử ABS & EBD	Có
Hệ thống Cân bằng điện tử (ESP)	Có
Hệ thống Hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
Hệ thống Kiểm soát độ leo	Có
Hệ thống Kiểm soát tốc độ	Tự động
Hệ thống cảnh báo điểm mù kết hợp cảnh báo có xe cắt ngang	Có
Hệ thống Cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường	Có
Hệ thống Cảnh báo va chạm và Hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước	Có
Hệ thống Kiểm soát áp suất lốp	Có
Hệ thống Chống trộm	Có
V. NGOẠI THẤT	
Đèn phía trước / Headlamp	LED Matrix, tự động bật đèn, tự động bật đèn chiếu góc
Đèn pha chống chói tự động	Có
Gạt mưa tự động	Có
Đèn sương mù	Có
Gương chiếu hậu điều chỉnh điện	Gập điện
Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama	Có
Cửa hậu đóng/mở điện	Có
VI. NỘI THẤT	
Khởi động bằng nút bấm	Có
Chìa khóa thông minh	Có
Điều hoà nhiệt độ	Tự động 2 vùng khí hậu
Vật liệu ghế	Da cao cấp có thông gió, sưởi ghế
Tay lái bọc da	Có
Điều chỉnh hàng ghế trước	Ghế lái và ghế khách chỉnh điện 10 hướng có nhớ vị trí ghế lái
Hàng ghế thứ ba gập điện	Có
Gương chiếu hậu trong	Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày / đêm
Cửa kính điều khiển điện	Có (1 chạm lên xuống tích hợp chống kẹt cho cả 2 hàng ghế)
Hệ thống âm thanh	AM / FM, MP3, Ipod & USB,

	Bluetooth Dàn âm thanh 12 loa B&O
Hệ thống SYNC®	Điều khiển giọng nói SYNC® 4A/ Màn hình TFT cảm ứng $\geq 12''$
Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình $\geq 12.4''$
Sạc không dây	Có
Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có

baovq.vpb5_Vuong Qui Bao_07/11/2025 16:04:59

3. XE Ô TÔ 7 CHỖ - 1 CẦU (LOẠI 1)

- SỐ LƯỢNG XE: 03

TT	Danh mục thông số	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THÔNG TIN CHUNG	
1	Chủng loại xe	Xe ô tô 07 chỗ (không kể người lái) - 1 cầu
2	Năm sản xuất	Từ 2025 trở lại đây
II	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG	
1	Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm)	4755 x 1845 x 1790 (± 30)
2	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 2850
3	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 170
4	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	$\leq 5,67$
5	Khối lượng bản thân (kg)	≥ 1575
6	Khối lượng toàn bộ (kg)	≥ 2250
7	Số người cho phép chở (không kể người lái)	07
III	ĐỘNG CƠ	
1	Loại động cơ	Phun xăng điện tử, 4 kỳ, 4 xy lanh thẳng hàng
2	Tiêu chuẩn khí thải	Euro-5
3	Dung tích xy lanh (cc)	≥ 1987
4	Công suất tối đa (kw)	≥ 128
5	Mô men xoắn tối đa (Nm)	≥ 205
6	Dung tích bình nhiên liệu (Lít)	≥ 52
IV	HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI, PHANH	
1	Hệ thống truyền động	Dẫn động cầu trước
2	Hộp số	Số tự động
3	Hệ thống treo	
-	Trước	Treo độc lập
-	Sau	Thanh dầm xoắn

TT	Danh mục thông số	Tiêu chuẩn kỹ thuật
4	Lốp xe	215/60R17
5	Phanh	
-	Trước/ sau	Đĩa/ Đĩa
-	Phanh tay điện tử và giữ phanh tự động	Có
V	NGOẠI THẤT	
1	Cụm đèn trước	LED
2	Cụm đèn sau	LED
3	Đèn sương mù trước	LED
4	Gương chiếu hậu ngoài	Có chức năng gập điện, chức năng điều chỉnh điện
5	Gạt mưa	
-	Trước	Gián đoạn, điều chỉnh thời gian
-	Sau	Gián đoạn
6	Chức năng sấy kính sau	Có
7	Màu xe	Trắng ngọc trai
VI	NỘI THẤT	
1	Tay lái	Chỉnh tay 4 hướng, có lẫy chuyển số
2	Gương chiếu hậu trong	2 chế độ ngày và đêm, chống chói tự động
3	Màn hình hiển thị đa thông tin	Màn hình màu
4	Chất liệu bọc ghế	Da
5	Ghế trước	
-	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện
-	Điều chỉnh ghế hành khách	Chỉnh cơ
6	Ghế sau	
-	Hàng ghế thứ 2	Gập 60:40
-	Hàng ghế thứ 3	Gập 50:50
7	Hệ thống điều hòa	Tự động
8	Cửa gió sau	Có
9	Hệ thống âm thanh	
-	Màn hình giải trí đa phương tiện	Cảm ứng
-	Số loa	≥ 6 loa

TT	Danh mục thông số	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Kết nối điện thoại thông minh không dây	Có
10	Chìa khóa thông minh và khởi động bằng nút bấm	Có
11	Cửa sổ điều chỉnh điện	Một chạm, chống kẹt tất cả các cửa
12	Cốp điện	Có
VII	TRANG BỊ AN TOÀN	
1	Cảm biến áp suất lốp	Có
2	Hệ thống chống bó cứng phanh	Có
3	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp	Có
4	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử	Có
5	Hệ thống cân bằng điện tử	Có
6	Hệ thống kiểm soát lực kéo	Có
7	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
8	Đèn báo phanh khẩn cấp	Có
9	Camera toàn cảnh	Có
10	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Có
11	Hệ thống điều khiển hành trình	Có
12	Túi khí	
-	Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có
-	Túi khí rèm	Có
-	Túi khí bên hông phía trước	Có

4. XE Ô TÔ 7 CHỖ - 1 CẦU (LOẠI 2)

- SỐ LƯỢNG XE: 04

Stt	Nội dung yêu cầu	Thông số kỹ thuật
I	THÔNG TIN CHUNG	
1	Chủng loại xe	Xe ô tô 07 chỗ - 1 cầu
2	Năm sản xuất	Từ 2025 trở lại đây
II	ĐỘNG CƠ	
1	Hệ truyền động	Hybrid xăng – điện (HEV)
2	Động cơ xăng	≥ 1987cc, 4 xy-lanh thẳng hàng, công nghệ van biến thiên VVT-i
3	Công suất động cơ xăng	Công suất: 112 (150)/6000 (kw/rpm) Mô men xoắn: 188/4400-5200 (Nm/rpm)
4	Công suất mô-tơ điện	≥ 111 mã lực (82kW)
5	Tổng công suất toàn hệ thống	≥ 186 mã lực
6	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5
III	KÍCH THƯỚC	
1	Chiều dài tổng thể (D)	4755 mm (± 30)
2	Chiều ngang tổng thể (R)	1850 mm (± 30)
3	Chiều cao tổng thể (C)	1790 mm (± 30)
4	Chiều dài cơ sở	≥ 2850 mm
5	Bán kính vòng quay tối thiểu	≤ 5,67m
6	Khoảng sáng gầm xe	≥ 167 mm
7	Dung tích bình nhiên liệu	≥ 52 lít
8	Số chỗ ngồi	07 chỗ ngồi (kể cả người lái)
9	Truyền lực	
IV	HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI, PHANH	
1	Dẫn động	Cầu trước (FWD)
2	Hộp số	Tự động vô cấp
3	Chế độ lái	3 chế độ: Công suất cao/Tiết kiệm nhiên liệu/Bình thường
4	Hệ thống treo trước	MacPherson
5	Hệ thống treo sau	Thanh dầm xoắn
6	Trợ lực tay lái	Tay lái bên trái, Trợ lực điện
7	Vành và lốp xe	225/50R18
8	Hệ thống phanh	Phanh đĩa trước và sau, tích hợp ABS, EBD, BA
V	NGOẠI THẤT	
1	Màu sắc	Đen/Trắng/Bạc
2	Cụm đèn trước	

Stt	Nội dung yêu cầu	Thông số kỹ thuật
3	Đèn chiếu gần/ Đèn chiếu xa/ Đèn sương mù	Công nghệ LED
4	Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
5	Chế độ đèn chờ dẫn đường/ Đèn chiếu sáng ban ngày	Có
6	Hệ thống cân bằng góc chiếu	Chỉnh tay
7	Cụm đèn sau	LED
8	Đèn báo phanh trên cao (đèn phanh thứ ba)	LED
9	Gương chiếu hậu ngoài	+ Chức năng chỉnh điện + Chức năng gập điện + Tích hợp đèn báo rẽ
10	Gạt mưa kính trước	Gạt mưa gián đoạn, điều chỉnh thời gian
11	Gạt mưa kính sau	Có (gián đoạn)
12	Chức năng sấy kính sau	Có
VI	NỘI THẤT	
1	Tay lái	+ Loại tay lái: 3 chấu + Chất liệu: bọc da + Điều chỉnh: Chỉnh tay 4 hướng + Có lẫy chuyển số
2	Gương chiếu hậu trong	Chống chói tự động
3	Cụm đồng hồ	Màn hình hiển thị đa thông tin: Có (màn hình màu TFT ≥ 7.0 inch)
4	Cửa sổ trời	Cửa sổ trời toàn cảnh
5	Ghế	Chất liệu: da
6	Ghế trước	+ Điều chỉnh ghế lái: chỉnh điện 8 hướng + Điều chỉnh ghế hành khách: chỉnh cơ 4 hướng
7	Ghế sau	+ Hàng ghế thứ 2: ghế thương gia có đệm chân điều chỉnh điện + Hàng ghế thứ 3: Gập 50:50 + Có tựa tay hàng ghế sau
8	Điều hòa nhiệt độ	Tự động, có cửa gió cho hàng ghế sau
9	Hệ thống âm thanh	+ Màn hình: cảm ứng $\geq 10,1$ inch + Số lượng loa: ≥ 6 loa + Có kết nối điện thoại thông minh không dây
10	Cửa sổ chỉnh điện	4 cửa (1 chạm, chống kẹt)
11	Chìa khoá thông minh và khởi	Có

Stt	Nội dung yêu cầu	Thông số kỹ thuật
	động bằng nút bấm	
12	Cốp điều khiển điện	Có
13	Hệ thống điều khiển hành trình	Có
14	Phanh tay	Phanh tay điện tử, tích hợp giữ phanh tự động (Auto Hold)
15	Ga tự động	Có
VII	TRANG BỊ AN TOÀN	
1	Hệ thống báo động	Có
2	Hệ thống mã hóa động cơ	Có
3	An toàn chủ động	
4	Hệ thống an toàn chủ động	+ Cân bằng điện tử (VSC) + Kiểm soát lực kéo (TRC) + Hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC) + Cảnh báo điểm mù (BSM) + Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)
5	Hệ thống an toàn nâng cao	+ Cảnh báo tiền va chạm (PCS) + Cảnh báo lệch làn (LDA) + Hỗ trợ giữ làn đường (LTA) + Kiểm soát hành trình chủ động (DRCC) + Đèn pha tự động thích ứng (AHB) + Đèn báo phanh khẩn cấp
6	Camera hỗ trợ	Camera 360 độ (Camera toàn cảnh)
7	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	8
8	Túi khí	6 túi khí
9	Dây đai an toàn	3 điểm ELR

5. XE Ô TÔ 5 CHỖ - 1 CẦU (LOẠI 1)

- SỐ LƯỢNG XE: 01

I. THÔNG TIN CHUNG		
Chủng loại cung cấp		Xe ô tô loại 5 chỗ ngồi (kể cả người lái)
Năm sản xuất		Từ 2025 trở lại đây
II. KÍCH THƯỚC - TRỌNG LƯỢNG		
Kích thước tổng thể: Dài x Rộng x Cao (mm)		4920 x 1840 x 1445 (± 30)
Chiều dài cơ sở (mm)		≥ 2825
Chiều rộng cơ sở: Trước/sau (mm)		$\geq 1580 / 1590$
Khoảng sáng gầm xe (mm)		≥ 140
Bán kính quay vòng tối thiểu (m)		≤ 5.8
Dung tích bình nhiên liệu (Lít)		≥ 60
III. ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH		
Dung tích xy lanh (cc)		≥ 1987
Hệ thống phun nhiên liệu		Phun xăng trực tiếp (D-4S)
Công suất tối đa (kw/rpm)		$\geq (126)/6600$
Mô men xoắn tối đa (Nm/rpm)		$\geq 206/4400-4900$
Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5 with OBD
IV. TRUYỀN LỰC		
Loại dẫn động		Dẫn động cầu trước
Hộp số		Số tự động vô cấp CVT
V. KHUNG GẦM		
Hệ thống lái		Trợ lực điện
Vành và lốp xe (Bao gồm lốp dự phòng)	Loại vành	Hợp kim
	Kích thước lốp	235/45R18
Phanh	Trước	Đĩa tản nhiệt
	Sau	Đĩa đặc
VI. NGOẠI THẤT		
Màu xe		Đen
Cụm đèn trước	Đèn chiếu gần	LED dạng bóng chiếu
	Đèn chiếu xa	LED dạng bóng chiếu
	Đèn chiếu sáng ban ngày	LED
	Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
VII. NỘI THẤT		
Tay lái	Nút bấm điều khiển tích hợp	Có
	Điều chỉnh	Chỉnh điện 4 hướng
Gương chiếu hậu trong		Chống chói tự động

Cụm đồng hồ	Loại đồng hồ	Digital
	Đèn báo chế độ Eco	Có
	Màn hình hiển thị đa thông tin/MID	TFT $\geq 12,3$ inch
Ghế trước	Chất liệu bọc ghế	Da
	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng
	Điều chỉnh ghế khách	Chỉnh điện 4 hướng
Ghế sau	Hàng ghế thứ hai	Ngả lưng chỉnh điện
	Tựa tay hàng ghế sau	Có khay đựng ly
Cửa sổ trời		Có
Rèm che nắng kính sau		Chỉnh điện
Rèm che nắng cửa sau		Chỉnh tay
Hệ thống điều hòa		Tự động 3 vùng độc lập
Cổng kết nối USB phía sau		Có
Hệ thống âm thanh	Màn hình	Màn hình cảm ứng $\geq 12,3$ inch
	Số loa	≥ 9
	Kết nối điện thoại thông minh	Có
Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm		Có
Phanh tay điện tử		Có
Hiển thị thông tin trên kính lái		Có
Khóa cửa điện		Có (Tự động theo tốc độ)
Chức năng khóa cửa từ xa		Có
Cửa sổ điều chỉnh điện		Tự động lên/xuống tất cả các cửa
Sạc không dây		Có
VIII. TRANG BỊ AN TOÀN		
Hệ thống báo động		Có
Hệ thống mã hóa khóa động cơ		Có
An toàn chủ động		
Hệ thống an toàn chủ động	Cảnh báo tiền va chạm	Có
	Cảnh báo lệch làn đường	Có
	Hỗ trợ giữ làn đường	Có
	Điều khiển hành trình chủ động	Có
	Đèn chiếu xa tự động	Có
Hệ thống cân bằng điện tử		Có
Hệ thống kiểm soát lực kéo		Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc		Có
Đèn báo phanh khẩn cấp		Có
Hệ thống theo dõi áp suất lốp		Có

Hệ thống hỗ trợ ra khỏi xe an toàn	Có
Phanh hỗ trợ đỗ xe	Có
Hệ thống cảnh báo điểm mù	Có
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau	Có
Camera lùi	Có
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	8
An toàn bị động	
Túi khí người lái và hành khách phía trước	Có (2 túi)
Túi khí bên hông phía trước	Có (2 túi)
Túi khí rèm	Có (2 túi)
Túi khí đầu gối người lái	Có (1 túi)

6. XE Ô TÔ 5 CHỖ - 1 CẦU (LOẠI 2)

- SỐ LƯỢNG XE: 01

Đặc tính kỹ thuật		Thông số kỹ thuật
I. THÔNG TIN CHUNG		
Loại xe		Xe ô tô 05 chỗ, 2 cầu
Năm sản xuất		Từ 2025 trở lại đây
II. KÍCH THƯỚC		
Kích thước tổng thể bên ngoài (mm)		4630 x 1780 x 1435 (± 30)
Chiều dài cơ sở (mm)		≥ 2700
Chiều rộng cơ sở (Trước/ sau) (mm)		$\geq 1530/1550$
Khoảng sáng gầm xe (mm)		≥ 128
Bán kính vòng quay tối thiểu (m)		$\leq 5,4$
Dung tích bình nhiên liệu (L)		≥ 50
III. ĐỘNG CƠ		
Loại động cơ		2ZR-FBE hoặc tương đương
Dung tích xy lanh(cc)		≥ 1798
Hệ thống nhiên liệu		Phun xăng điện tử
Loại nhiên liệu		Xăng
Công suất tối đa (kw)hp/ @rpm		$\geq (103)138/6400$
Mô men xoắn tối đa Nm @ rpm		$\geq 172/4000$
Tiêu chuẩn khí thải		Euro 6
Truyền lực		
Loại dẫn động		Dẫn động cầu trước
Hộp số		Số tự động vô cấp /CVT
Chế độ lái		2 chế độ (Bình thường, Thể thao)
Khung gầm:		
Hệ thống lái trợ lực		Trợ lực điện
Vành và Lốp xe	Loại vành	Hợp kim
	Kích thước lốp	225/45R17
Phanh Trước		Đĩa
IV. NGOẠI THẤT		
Màu sắc		Đen

Cụm đèn trước	Đèn chiếu xa/ gần	Bi-LED
	Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
	Hệ thống cân bằng góc chiếu	Chỉnh cơ
Gạt mưa	Trước	Tự động
Gương chiếu hậu tự động điều chỉnh khi lùi		Có
V. NỘI THẤT		
Tay lái	Loại tay lái	3 chấu
	Chất liệu	Da
	Nút bấm điều khiển tích hợp	Có
Gương chiếu hậu bên trong		Chống chói tự động
Ghế	Chất liệu ghế	Da
	Ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng
Chìa khoá thông minh & khởi động bằng nút bấm		Có
Hệ thống điều khiển hành trình		Có
Hệ thống âm thanh	Màn hình	Cảm ứng ≥ 9 inch
	Số loa	≥ 6
	Kết nối điện thoại thông minh	Có (không dây)
Phanh tay điện tử		Có
Giữ phanh tự động		Có
Màn hình hiển thị đa thông tin		≥ 12.3 inch
Hệ thống điều hòa		Tự động 2 vùng
VI. TRANG BỊ AN TOÀN		
Hệ thống an toàn	Cảnh báo tiền va chạm	Có
	Cảnh báo chệch làn đường	Có

	Hỗ trợ giữ làn đường	Có
	Điều khiển hành trình chủ động	Có (mọi dải tốc độ)
	Đèn chiếu xa tự động	Có
Hệ thống cảnh báo điểm mù/ BSM		Có
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau/ RCTA		Có
Hệ thống cân bằng điện tử / VSC		Có
Hệ thống kiểm soát lực kéo / TRC		Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc / HAC		Có
Túi khí	Người lái & hành khách phía trước	Có
	Túi khí bên hông phía trước	Có
	Túi khí rèm	Có
	Túi khí đầu gối người lái	Có